

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 63/2021/HSST
Ngày: 24/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông: Đoàn Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Đình Hiệu

Ông: Nguyễn Thế Dương.

- Thư ký phiên tòa:

Ông: Nông Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa:
ông Bùi Quang Hoàng – Kiểm sát viên

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021, vụ án được xét xử công khai. Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1975 tại tỉnh Kiên Giang; Tên gọi khác: Không; HKTT: ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 01/12 ; Nghề nghiệp: Làm nông; **Họ và tên cha: Nguyễn Văn C; Không rõ năm sinh (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Kim A**; sinh năm: 1951; Chồng: Lê Văn M; sinh năm: 1972; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1997 nhỏ nhất sinh năm 2007; Bị cáo có 01 người em sinh năm 1981; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, được tại ngoại đến nay – có mặt

2. Họ và tên: **Trần Thị Gái E**, sinh năm 1972, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Tên gọi khác: **T**; HKTT: ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 0/12 ; Nghề nghiệp: Làm nông; Họ và tên cha: Trần K, không rõ năm sinh (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị P, sinh năm: 1925; Chồng: Trần Đức T; Không rõ năm sinh (đã chết); Bị cáo có 01 người con sinh năm 2000; Anh chị em: Không có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, được tại ngoại đến nay – có mặt

3. Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1973, tại Campuchia; Tên gọi khác: Không HKTT: ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 0/12 ; Nghề nghiệp: Làm nông; Họ và tên cha: Nguyễn Văn T; sinh năm: 1946 (đã chết); Họ và tên mẹ: Phan Thị L, sinh năm: 1948 (đã chết); Chồng: Không có; Bị cáo có 01 người anh sinh năm 1970; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, được tại ngoại đến nay – có mặt

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978, tại tỉnh Ninh Thuận; Tên gọi khác: Không; HKTT: ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 12/12 ; Nghề nghiệp: Giáo viên; Họ và tên cha: Nguyễn C; sinh năm: 1934 (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1937 (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn B; sinh năm: 1976; Bị cáo có 02 người con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016; Bị cáo có 03 người chị; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, được tại ngoại đến nay – có mặt

5. Họ và tên: **Huỳnh Thị Kim L**, sinh năm 1967, tại TP. Hồ Chí Minh; Tên gọi khác: Không; HKTT: ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 6/12 ; Nghề nghiệp: Làm nông; Họ và tên cha: Huỳnh Văn T (đã chết); Họ và tên mẹ: Lê Thị B (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn H; sinh năm: 1962; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1994; Bị cáo có 03 người em; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, được tại ngoại đến nay – có mặt

6. Họ và tên: **Đỗ Thị D**, sinh năm 1959, tại tỉnh Tây Ninh; Tên gọi khác: Không; HKTT: Khu phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 3/10 ; Nghề nghiệp: Làm nông; Họ và tên cha: Đỗ Văn H (đã chết); Họ và tên mẹ: Trần Thị H; sinh năm: 1938; Chồng: Trần Văn P, sinh năm: 1954; bị cáo có 07 người con lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1990; Bị cáo có 01 người anh và 01 người em; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, được tại ngoại đến nay – có mặt

7. Họ và tên: **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1986, tại tỉnh Long An; Tên gọi khác: Không; HKTT: ấp B, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Họ và tên cha: Nguyễn Văn H; sinh năm: 1960; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị X ; sinh năm: 1961; Chồng: Bùi Quốc H; sinh năm: 1971 (đã ly hôn) Bị cáo có 03 người con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012; Bị cáo có 01 người em sinh năm 1991; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, được tại ngoại đến nay – có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1960; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước – vắng mặt

- *Những người làm chứng:*

+ Trần Văn K, sinh năm: 1971; địa chỉ: Ấp T, TT. T, huyện B, tỉnh Bình Phước – vắng mặt

+ Nguyễn Thị B, sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước – vắng mặt

+ Dương Thị P, sinh năm: 1959; địa chỉ: Ấp T, TT. Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 17/5/2021 Nguyễn Thị S, Trần Thị Gái E, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Huỳnh Thị Kim L, Đỗ Thị D đến quán tạp hóa nhà Nguyễn Thị N ở ấp T, thị trấn T, huyện B để chơi. Tại đây những người này rủ nhau đánh bài “nổ” thắng thua bằng tiền, N lấy mền, bài tây có sẵn trong nhà ra trải xuống nền nhà bếp và cùng tham gia đánh bài, khi đánh bài Nguyễn Thị S là người cầm cái, quá trình đánh bài còn có Trần Văn K, Nguyễn Thị B, Dương Thị P đứng xem. Về hình thức đánh bài nổ như sau:

Các bị cáo sử dụng bộ bài Tây 52 lá để chơi và quy định các lá bài “10, J, Q, K” có giá trị 00 điểm, lá bài Át (A) có giá trị 01 điểm, người làm cái chia cho mỗi người chơi 02 lá bài, nếu điểm cộng của 02 lá bài lại với nhau từ 08 đến 09 điểm gọi là “nổ”, nếu “nổ” nhưng 02 lá bài đồng chất hoặc 02 lá bài giống nhau gọi là “nổ” đôi thì người chơi được thắng gấp đôi số tiền đặt cược; khi cộng điểm các lá bài dưới 4 điểm thì người chơi phải rút thêm 01 lá bài, nếu có 03 lá bài là một trong các lá bài J, Q, K thì gọi là “Ba tây” và thắng cược gấp 03 lần số tiền đã đặt, nếu có 03 lá bài giống nhau thì gọi là “Sam cô” và thắng gấp 05 lần số tiền đã đặt cược.

Số tiền các bị cáo đặt cược dưới chiếu bạc từ 50.000đ đến 100.000.00đ. Đến khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày thì lực lượng Công an huyện Bù Đốp phát hiện bắt quả tang: Nguyễn Thị N, Trần Thị Gái E, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Huỳnh Thị Kim L, Đỗ Thị D cùng tang vật còn Nguyễn Thị S chạy trốn.

Tang vật thu giữ gồm:

Thu tại chiếu bạc ở khu vực nhà bếp số tiền 6.050.000đ; 52 lá bài tây; 01 cái mền nhiều màu sắc, kích thước (2x2) m; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đen, có ốp lưng nhựa màu đen;

Thu tại phòng khách, dưới chân bộ bàn ghế bằng gỗ số tiền 4.300.000đ.

Thu trên người của của các bị cáo tham gia đánh bạc gồm: Nguyễn Thị N số tiền 2.500.000đ; Trần Thị Gái E số tiền 300.000đ cùng 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh–đen; Nguyễn Thị T số tiền 250.000đ; Huỳnh Thị Kim L số tiền 1.400.000đ cùng 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen; Nguyễn Thị T số tiền 1.250.000đ;

Tạm giữ 01 xe mô tô hiệu Yamaha màu đỏ–đen, BKS: 93L1 - 2640 của Nguyễn Thị S.

Tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo là 16.050.000đ.

Quá trình điều tra xác định:

Nguyễn Thị N sử dụng nhà, mền, bài tây của mình để đánh bạc với các con bạc, khi đánh N có trong người số tiền 2.900.000đ, N sử dụng số tiền 400.000đ để đánh bạc, quá trình đánh không thắng và không thua, khi bị bắt quả tang N để

số tiền này trên chiếu bạc và bị thu giữ cùng với số tiền 2.500.000đ để trên người.

Nguyễn Thị S là người cầm cái chơi với các con bạc, S mang theo số tiền 4.200.000đ và sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang S để số tiền này dưới chiếu bạc và bỏ chạy, để lại chiếc xe mô tô hiệu Yamaha màu đỏ - đen, BKS: 93L1- 2640.

Trần Thị Gái E mang theo số tiền 500.000đ và sử dụng để đánh bạc, thắng 100.000đ, khi bị bắt để 300.000đ trên chiếu bạc, còn lại 300.000đ để trên người thì bị thu giữ.

Nguyễn Thị T mang theo số tiền 500.000đ sử dụng để đánh bạc, khi đánh bị thua 250.000đ, số tiền còn lại 250.000đ để trên người thì bị thu giữ.

Huỳnh Thị Kim L mang theo số tiền 1.300.000đ sử dụng để đánh bạc, khi đánh thắng được 100.000đ, khi bị bắt bị thu giữ trên người số tiền 1.400.000đ.

Đỗ Thị D mang theo số tiền 400.000đ sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang thua hết số tiền này.

Nguyễn Thị T mang theo số tiền 6.125.000đ, sử dụng số tiền 5.000.000đ để đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng khoảng 1.000.000đ để số tiền này trên chiếu bạc, khi bị bắt quả tang Trâm cầm số tiền 4.300.000đ bỏ chạy lên phòng khách và bị thu giữ ngoài ra còn bị thu giữ trên người số tiền 1.250.000đ.

Như vậy tổng số tiền của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là: 12.300.000đ.

Cáo trạng số 62/CT-VKS-BĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp truy tố các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị S, Trần Thị Gái E, Nguyễn Thị T, Huỳnh Thị Kim L, Đỗ Thị D, Nguyễn Thị T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và bản luận tội là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị S, Trần Thị Gái E, Nguyễn Thị T, Huỳnh Thị Kim L, Đỗ Thị D, Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 35 Bộ luật hình sự và đề nghị mức hình phạt từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ đối với bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thị Gái E, Nguyễn Thị T, Huỳnh Thị Kim L, Đỗ Thị D; đề nghị mức hình phạt từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ đối với bị cáo Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N.

Vật chứng: Vẫn giữ nguyên như nội dung bản cáo trạng.

Các bị cáo khác không tham gia tranh luận xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Bù Đốp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo với nhau, với lời khai của người làm chứng là hoàn toàn phù hợp với nhau về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án, cũng như vật chứng của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 14 giờ ngày 17/5/2021 Nguyễn Thị S, Trần Thị Gái E, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Huỳnh Thị Kim L, Đỗ Thị D đến quán tạp hóa nhà Nguyễn Thị N ở ấp T, thị trấn T, huyện B chơi. Tại đây những người này rủ nhau đánh bài “Nổ” thắng thua bằng tiền nên xuống khu vực nhà bếp của N để đánh bài, N lấy mền, bài tây có sẵn trong nhà trải mền xuống nền nhà và cùng tham gia đánh bài, khi đánh bài Nguyễn Thị S là người cầm cái và sử dụng 4.200.000đ để đánh bạc, Nguyễn Thị N sử dụng số tiền 400.000đ để đánh bạc, Trần Thị Gái E sử dụng 500.000đ để đánh bạc, Nguyễn Thị T sử dụng 500.000đ để đánh bạc, Huỳnh Thị Kim L sử dụng 1.300.000đ để đánh bạc, Đỗ Thị D sử dụng 400.000đ để đánh bạc, Nguyễn Thị T sử dụng số tiền 5.000.000đ để đánh bạc. Tổng số tiền của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là: 12.300.000đ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại Điều 321 của Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm hại trật tự công cộng, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh, gây mất trật tự trị an tại địa phương, từ hành vi đánh bạc nảy sinh ra các loại tội phạm khác, để lại nhiều hệ lụy khôn lường cho gia đình và xã hội. Các bị cáo đều đã trưởng thành nhận thức rõ hành vi đánh bài nổ được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng vì lười lao động muốn có tiền hưởng thụ nhanh chóng các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm, tổng số tiền của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là: 12.300.000đ. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp và bản luận tội của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo về tội đánh bạc quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm, do 07 bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, các bị cáo đều là người thực hành không có sự bàn bạc phân công vai trò từ trước nên đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn. Tuy nhiên, vai trò của các bị cáo và số tiền các bị cáo sử dụng để tham gia đánh là khác nhau, bị cáo N ngoài tham gia đánh bạc còn cho các bị cáo khác sử dụng nhà, đưa bài và mền để đánh bạc. Bị cáo S là người đứng ra làm cái và sau khi phạm tội đã bỏ chạy; Bị cáo T sử dụng số tiền để đánh bạc là lớn nhất nên cần xử các bị cáo mức án nghiêm khắc. Đối với bị cáo L, bị cáo T, bị cáo E, bị cáo D đều là người đồng phạm tham gia đánh bạc nhưng số tiền dùng vào đánh bạc có giá trị thấp, nên tính chất hành vi ít nghiêm trọng hơn. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc không lớn, bị cáo Nguyễn Thị T bị khuyết tật ở chân, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Xét đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Đối với Trần Văn K, Nguyễn Thị B, Dương Thị P không tham gia đánh bạc, không giúp sức các bị cáo nên không xem xét xử lý là có căn cứ.

[8] Về vật chứng:

Đối với số tiền thu giữ: 16.050.000đ, quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc 12.300.000đ nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền này; số tiền còn lại 3.750.000đ là thu giữ của Nguyễn Thị N 2.500.000đ, thu giữ của Nguyễn Thị T 1.250.000đ, các bị cáo Nga, Trâm không sử dụng để đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo Nga, Trâm.

Đối với 52 lá bài tây; 01 cái mền nhiều màu sắc, kích thước (2 x 2)m là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đen, có ốp lưng nhựa màu đen của Nguyễn Thị S; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh - đen có số Imei: 358991093130449 của Trần Thị Gái E; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen có số Imei: 353198052816481 của Huỳnh Thị Kim L; quá trình điều tra xác định Nguyễn Thị S, Trần Thị Gái E, Huỳnh Thị Kim L không sử dụng điện thoại vào mục đích để đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo S, E và L.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha màu đỏ - đen, BKS: 93L1 - 2640, SM: 5C63 - 424407, SK: AY 424365 do Nguyễn Thị S sử dụng đến nhà Nguyễn Thị N để đánh bạc, xe này của ông Nguyễn Văn H. Nga tự lấy xe đi ông H

không biết nên Công an huyện Bù Đốp đã ra quyết định xử lý trả lại cho ông Hẹn là có căn cứ.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo N, S, E, T, L, D, T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Đỗ Thị D hiện là người cao tuổi và tại phiên có yêu cầu xin miễn án phí, căn cứ vào Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo D thuộc trường hợp được miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị S, Trần Thị Gái E (Thu), Nguyễn Thị T, Huỳnh Thị Kim L, Đỗ Thị D, Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc”

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; các điều 50, 58, 35 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Kim L 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị D 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trần Thị Gái E 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

[2] Vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 1.250.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy 52 lá bài tây; 01 cái mền nhiều màu sắc, kích thước (2 x 2)m.

Trả lại: 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đen, có ốp lưng nhựa màu đen cho Nguyễn Thị S; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh-đen có số Imei: 358991093130449 cho Trần Thị Gái E; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen có số Imei: 353198052816481 cho Huỳnh Thị Kim L;

(Số vật chứng trên đã được giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0007720 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp).

[3] Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Đỗ Thị D được miễn án phí hình sự sơ thẩm

Các bị cáo mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- Công an huyện Bù Đốp;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Ngọc Thảo